

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu

- 1.1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 1
- 1.2. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ cấp III
- 1.3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 3
- 1.4. Địa điểm xây dựng: Xã Kiến Đức và xã Quảng Tân, tỉnh Lâm Đồng.
- 1.5. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương
- 1.6. Tiến độ thực hiện dự án: 32 Tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- 1.7. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu:

1.7.1. Bình đồ:

- Tuyến được thiết kế cơ bản theo đường hiện trạng, chỉ điều chỉnh cục bộ tại một số vị trí nhằm đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật của đường cấp III - Miền núi. Bình đồ được thiết kế với 75 lần chuyển hướng, bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{\min} = 125\text{m}$, đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường;

- Điểm đầu Km2+00, thuộc địa bàn xã Kiến Đức, tỉnh Lâm Đồng;
- Điểm cuối Km31+832 (trùng với Km31+500 hiện trạng), thuộc địa bàn xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng;
- Các nút giao được thiết kế nút giao đồng mức, dạng đơn giản.

1.7.2. Trắc dọc:

Trắc dọc được thiết kế chủ yếu theo phương pháp đường bao, có kết hợp với phương pháp đường cắt, nhằm giảm khối lượng đào đắp, giảm chi phí đầu tư và cải thiện độ dốc dọc. Độ dốc dọc lớn nhất được thiết kế $i_{\max} = 7\%$, đảm bảo chỉ tiêu kỹ thuật của cấp đường.

1.7.3. Trắc ngang:

- Nền đường rộng $B_{\text{nền}} = 9\text{m}$, trong đó: Mặt đường rộng $B_{\text{mặt}} = 6\text{m}$; lề đường rộng $B_{\text{lề}} = 1,5\text{m} \times 2 \text{ bên} = 3\text{m}$ (*chưa tính phần mở*

rộng trong đường cong);

- Độ dốc ngang mặt đường $i_m = 2\%$; độ dốc ngang lề đường $i_{l\bar{e}} = 2\%$ (đối với phạm vi 01m lề đường tính từ mép mặt đường được gia cố với kết cấu mặt đường bê tông nhựa) và $i_{l\bar{e}} = 4\%$ (đối với phạm vi lề còn lại).

1.7.4. Kết cấu áo đường Đoạn Km2+000 đến Km10+119,11

a. Đối với các đoạn tuyến có mặt đường đá dăm nước láng nhựa hiện trạng bị hư hỏng ổ gà, sinh lún và phạm vi mặt đường mở rộng:

Đào bỏ kết cấu áo đường cũ bị hư hỏng; san gạt nền đường cũ đảm bảo độ dốc mui lượn và lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$; thiết kế kết cấu áo đường với thứ tự các lớp từ trên xuống như sau:

- Bê tông nhựa chặt C12,5, dày 05cm;
- Tưới lớp dính bám bằng nhũ tương a xít, tiêu chuẩn 0,5 Kg/m²;
- Bê tông nhựa chặt C19, dày 07cm;
- Tưới lớp thấm bám bằng nhũ tương a xít, tiêu chuẩn 01 Kg/m²;
- Lớp cấp phối đá dăm loại I $D_{max}25$, dày 18cm, lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$;
- Lớp cấp phối đá dăm loại II $D_{max}37,5$, dày 35cm, lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$ (chia thành 2 lớp để thi công).

b. Đối với các đoạn tuyến mặt đường đá dăm nước láng nhựa hiện trạng chưa xuất hiện hư hỏng ổ gà, sinh lún:

Cào tạo nhám mặt đường cũ, bù vênh mặt đường bằng cấp phối đá dăm loại II $D_{max}25$ đảm bảo độ dốc mui lượn, lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$, tăng cường kết cấu áo đường với thứ tự các lớp từ trên xuống như sau:

- Bê tông nhựa chặt C12,5, dày 05cm;
- Tưới lớp dính bám bằng nhũ tương a xít, tiêu chuẩn 0,5 Kg/m²;
- Bê tông nhựa chặt C19, dày 07cm;
- Tưới lớp thấm bám bằng nhũ tương a xít, tiêu chuẩn 01 Kg/m²;
- Lớp cấp phối đá dăm loại I $D_{max}25$, dày 18cm, lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$;

- Lớp cấp phối đá dăm loại II $D_{\max} 37,5$, dày 15cm, lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$.

1.7.5. Phạm vi vượt nối với đường nhánh, đường dân sinh:

a. Đối với các đường nhánh, đường dân sinh có mặt đường hiện trạng là mặt đường BTXM, đường cấp phối, đường đất:

Thiết kế kết cấu đường với thứ tự các lớp từ trên xuống như sau:

- Lớp BTXM đá 1x2, cường độ 20Mpa, dày 18cm;
- Lớp giấy dầu tạo phẳng, chống mất nước và hạn chế ảnh hưởng do co ngót của bê tông;
- Lớp móng cấp phối đá dăm loại I $D_{\max} 25$, dày 16cm, lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$.

b. Đối với các đường nhánh, đường dân sinh có mặt đường hiện trạng là mặt đường láng nhựa:

Thiết kế kết cấu đường với thứ tự các lớp từ trên xuống như sau:

- Bê tông nhựa chặt C19, dày 07cm;
- Tưới lớp thấm bám bằng nhũ tương a xít, tiêu chuẩn 01 Kg/m²;
- Lớp cấp phối đá dăm loại I $D_{\max} 25$, dày 15cm, lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$.

1.7.6. Lề đường:

Phạm vi 01m lề đường tính từ mép mặt đường đối với đoạn Km2+000 đến Km10+119,11 (*riêng đối với các đoạn có thiết kế rãnh dọc gia cố bằng tấm đan BTXM hoặc rãnh U BTCT hoặc các đoạn tuyến có mái taluy âm nền đường được gia cố, lề đường được gia cố bằng lớp BTXM đá 1x2 cường độ 20Mpa, dày 12cm trên lớp giấy dầu tạo phẳng, chống mất nước và hạn chế ảnh hưởng do co ngót của bê tông trên lớp móng cấp phối đá dăm loại I $D_{\max} 25$ dày 18cm*).

1.7.7. Nền đường:

- Đối với nền đường đắp: Lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$ trong phạm vi 30cm tính từ đáy kết cấu áo đường trở xuống; các lớp tiếp theo lu lèn đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,95$;
- Đối với nền đường đào và nền đường không đào không đắp: Lu xử lý nền đường đảm bảo độ chặt $K_{yc} \geq 0,98$ trong phạm vi 30cm tính từ đáy áo đường xuống;

- Đối với các đoạn tuyến nền đường là nền đất yếu: Thiết kế đào thay toàn bộ phần đất yếu bằng đất cấp III kết hợp bọc vải địa kỹ thuật loại dện cường độ $\geq 25\text{KN}$ và lu lèn đảm bảo độ chặt theo yêu cầu;
- Hệ số mái dốc ta luy nền đường đào 1/1; mái dốc ta luy nền đắp 1/1,5.

1.7.8. Công trình thoát nước:

Tận dụng lại một số hạng mục thoát nước hiện hữu trên tuyến, thiết kế bổ sung một số hạng mục như sau:

a. Rãnh thoát nước:

- Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đông dân cư và tại nút giao với các đường nhánh, đường dân sinh: Thiết kế rãnh chữ U bằng BTCT đá 1x2 cường độ 20Mpa, đúc sẵn, lắp ghép, tiết diện lòng rãnh (60x60)cm, (80x80)cm và (100x100)cm (*tùy theo yêu cầu thoát nước của từng đoạn tuyến*), tấm đan chịu lực đáy rãnh bằng BTCT đá 1x2 cường độ 20Mpa, đúc sẵn, lắp ghép. Cục bộ một số đoạn có độ dốc địa hình thay đổi, để đảm bảo thoát nước, thiết kế thân rãnh có chiều cao thay đổi dạng bán lắp ghép bằng BTCT đá 1x2 cường độ 20Mpa;
- Đối với các đoạn tuyến có độ dốc dọc $i_{\text{dọc}} \geq 4\%$ và các đoạn tập trung nước, thiết kế rãnh gia cố bằng tấm đan BTXM đá 1x2 cường độ 16Mpa, đúc sẵn, lắp ghép (*kích thước tấm đan 64x50x7cm*), đáy rãnh bằng BTXM đá 1x2 cường độ 16Mpa, đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 10cm, kích thước rãnh (40x40x120)cm;
- Đối với các đoạn tuyến còn lại: Thiết kế rãnh đào trần hình thang, kích thước rãnh (40x40x120)cm.

b. Cống thoát nước:

- Cống thoát nước ngang dạng cống hộp (75x75)cm, (100x100)cm, (150x150)cm, (200x200)cm: Thân cống bằng BTCT đá 1x2 cường độ 20Mpa, đúc sẵn, lắp ghép; móng cống, chân khay, sân cống, tường đầu, tường cánh, hồ thu bằng BTXM đá 1x2 cường độ 16Mpa, đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 10cm;
- Cống thoát nước ngang dạng cống tròn Ø100, 2Ø100, 2Ø150: Ống cống bằng BTCT đá 1x2 cường độ 20Mpa, đúc sẵn, lắp ghép; móng cống, sân cống, chân khay, tường đầu, tường cánh cống bằng BTXM đá 1x2 cường độ 16Mpa, đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; hạ lưu sân cống được gia cố bằng đá hộc xếp khan;
- Thiết kế nối dài một số cống hiện trạng trên tuyến cho phù hợp với bề rộng nền đường sau khi mở rộng.

c. Mương dẫn dòng hạ lưu cống thoát nước:

Thiết kế mương dẫn dòng tại hạ lưu một số cống thoát nước ngang đường:

- Mương dẫn dạng chữ U, mương bằng BTXM đá 1x2 cường độ 16Mpa, đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 05cm, thành giằng bằng BTCT đá 1x2 cường độ 20Mpa, đổ tại chỗ;
- Mương dẫn dạng hình tròn Ø100, Ø150 bằng BTCT đá 1x2 cường độ 20Mpa, đúc sẵn, lắp ghép.

d. Rãnh thoát nước ngầm:

Đối với một số đoạn tuyến nền đường có nước ngầm, thiết kế rãnh ngầm bằng đá các loại và ống nhựa PVC có đục lỗ để thu và dẫn nước ngầm ra khỏi phạm vi nền đường.

1.7.9. Công trình phòng hộ:

- Đối với các đoạn nền đường đắp cao (có thiết kế các bậc thềm), các đoạn nền đường đắp hai đầu các cống, các đoạn nền đường thường xuyên ngập nước: Mái taluy được gia cố bằng lớp BTXM lưới thép đá 1x2 cường độ 16Mpa, dày 12cm, đổ tại chỗ trên lớp vữa đệm dày 03cm; chân khay bằng BTXM đá 1x2 cường độ 16Mpa, đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 10cm;
- Đối với các đoạn nền đường đắp còn lại: Mái taluy được gia cố bằng tấm ốp BTXM đá 1x2 cường độ 16Mpa có lỗ trồng cỏ.

1.7.10. Hệ thống an toàn giao thông:

Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

2. Thời hạn hoàn thành: **32 Tháng**

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Thời gian thực hiện hợp đồng trong vòng **32 Tháng** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Nhà thầu phải nộp một Đề xuất kỹ thuật (đính kèm file lên Hệ thống) gồm mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và bất kỳ thông tin nào khác theo quy định tại Chương này và phải mô tả đủ chi tiết để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc. Đề xuất kỹ thuật sẽ được đánh giá xem các giải pháp kỹ thuật (bao gồm tính khả thi vật tư, vật liệu chính, các hạng mục công việc xây lắp chính, sự tuân thủ các quy chuẩn tiêu chuẩn áp dụng, sự phù hợp và khả thi huy động nhân sự, thiết bị thi công; nhân sự phụ trách kỹ thuật đề xuất được huy động phù hợp về số lượng, sẵn sàng để huy động và có trình độ năng lực kinh nghiệm phù hợp vị trí đảm nhận; thiết bị thi công đề xuất phù hợp về số lượng, chủng loại, công suất và sẵn sàng để huy động..), tổ chức công trường và biện pháp tổ chức thi công

(bao gồm sự đầy đủ các hạng mục công việc xây lắp chính, áp dụng sự tuân thủ các quy chuẩn tiêu chuẩn hiện hành, sự phù hợp và khả thi sẵn sàng huy động nhân sự phụ trách kỹ thuật, thiết bị thi công, kế hoạch tiến độ thi công...), các biện pháp đảm bảo chất lượng, kế hoạch huy động và kế hoạch thi công ...được thể hiện bằng cách thức phù hợp và tuân thủ các yêu cầu quy định tại Chương này mà không có sai lệch, hạn chế, hoặc thiếu sót đáng kể. Đề xuất kỹ thuật đề xuất được chấp thuận là ràng buộc pháp lý theo hợp đồng của nhà thầu với chủ đầu tư cho công trình về chất lượng - tiến độ - nghĩa vụ và trách nhiệm - giá dự thầu/giá hợp đồng thanh toán.

Nhà thầu thi công với sự hiểu biết kỹ thuật, kinh nghiệm thi công, nguồn lực hiện có... trình bày Đề xuất kỹ thuật cho gói thầu/công trình cần đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của công trình, Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm và không chỉ giới hạn ở những yêu cầu dưới đây:

1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.

1.1. Yêu cầu đối với nguyên, vật liệu chính như Xi măng các loại, Thép hình, thép tấm, Thép tròn các loại, Cọc gỗ (cọc tràm) >2,5m, Vải địa kỹ thuật, Giấy dầu, Nhũ tương, Nhựa đường, Nhựa bi tum số 4, Ống bê tông D=800-1500mm (HL93); Ống nhựa PVC D200mm; Cột đỡ biển báo, cột thép, Biển báo giao thông các loại; Sơn lót, sơn phủ, sơn dẻo nhiệt; Tấm sóng , tiêu phản quang, Bê tông nhựa chặt loại BTNC12,5; BTNC19. Nhà thầu kê khai nguồn gốc, chủng loại vật liệu rõ ràng, cụ thể và áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành (tiêu chuẩn Việt Nam còn hiệu lực) cho từng loại vật liệu sử dụng.

1.2. Yêu cầu đối với nguyên, vật liệu chính như Cát, Cấp phối đá dăm loại I, II , đá cấp phối , đá hộc, đá 4x6, đá dăm các loại: Nhà thầu kê khai nguồn gốc, chủng loại vật liệu rõ ràng, cụ thể và áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành (tiêu chuẩn Việt Nam còn hiệu lực) cho từng loại vật liệu sử dụng.

1.3. Yêu cầu đối với vận chuyển nguyên, vật liệu: Nhà thầu có cam kết bằng văn bản tuân thủ các quy định An toàn giao thông trong quá trình vận chuyển nguyên, vật liệu.

1.4. Yêu cầu đối với điều kiện tham gia giao thông của xe máy chuyên dùng: Nhà thầu có cam kết bằng văn bản tuân thủ các quy định về Điều kiện tham gia giao thông của xe máy chuyên dùng quy định tại Điều 57 Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008.

1.5. Giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công tổng thể, chi tiết phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:

1.5.1 Công tác chuẩn bị;

1.5.2 Biện pháp tổ chức thi công.

- Chuẩn bị mặt bằng, biện pháp đảm bảo an toàn giao thông

- Thi công xây dựng hạng mục nền đường theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.

- Thi công xây dựng móng, mặt đường theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.
- Thi công gia cố mái theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.
- Thi công công trình thoát nước theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt
- Thi công hệ thống an toàn giao thông theo hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt

1.6. Giải pháp giảm thiểu chấn động, rạn nứt nhà dân trong quá trình thi công: Bên B phải tự chủ động nghiên cứu điều kiện thực tế để có giải pháp thi công phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro ảnh hưởng đến công trình lân cận trong suốt quá trình thi công như đào móng, cầu lắp, hoạt động của máy móc thiết bị, ... gây ra chấn động, dịch chuyển kết cấu có thể dẫn đến nứt, sụt lún, hư hỏng nhà ở, công trình lân cận. Để đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình, trong trường hợp thi công qua các khu dân cư, các thiết bị thi công có gây chấn động... làm ảnh hưởng đến các công trình liền kề thì Bên B phải có giải pháp thi công và tự huy động các thiết bị thi công thay thế khác có tính năng phù hợp. Trường hợp nếu có phát sinh hư hỏng, tổn thất phải bồi thường do các yếu tố và nguyên nhân trên, Bên B phải có trách nhiệm bồi thường cho bên bị thiệt hại (nếu có) bằng nguồn kinh phí của mình để đảm bảo tiến độ thi công liên tục và không bị gián đoạn, hoặc Bên B có giải pháp khắc phục trong quá trình thực hiện thi công dự án.

2. Tiến độ thi công

2.1. Thời gian thi công: **32 Tháng** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

(1) Nhà thầu phải nêu các mốc thời gian cụ thể theo yêu cầu để hoàn thành công trình như sau:

- Thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng để báo cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của Chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định.
- Thời gian từ khi chủ đầu tư báo cáo cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu đến khi tổ chức nghiệm thu.
- Thời gian sau khi nhận thông báo của cơ quan chuyên môn về xây dựng, nhà thầu kiểm tra, rà soát và khắc phục tồn tại, tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định, gửi biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng và báo cáo về việc khắc phục các tồn tại đến cơ quan chuyên môn về xây dựng.
- Tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng (nhà thầu có trách nhiệm phối hợp thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Điểm 3, Điều 23, Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng).

2.2. Biểu đồ tiến độ thi công:

- Có Biểu đồ tiến độ thi công chi tiết theo các hạng mục chính của công trình phù hợp Biện pháp thi công và tiến độ của gói thầu.
- Có Biểu đồ huy động nhân lực, thiết bị đảm bảo phù hợp với tiến độ thi công chi tiết và tổng tiến độ của gói thầu.

3. Cách thức quản lý dự án bao gồm: Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường

3.1. Tổ chức quản lý dự án

- Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình, quản lý công trường xây dựng theo quy định.

- Lập và thông báo cho chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan về hệ thống quản lý thi công xây dựng của nhà thầu. Hệ thống quản lý thi công xây dựng phải phù hợp với E-HSDT, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng cá nhân đối với công tác quản lý thi công xây dựng, bao gồm: chỉ huy trưởng công trường hoặc giám đốc dự án của nhà thầu; các cá nhân phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp và thực hiện công tác quản lý chất lượng, an toàn trong thi công xây dựng, quản lý khối lượng, tiến độ thi công xây dựng, quản lý hồ sơ thi công xây dựng công trình.

- Kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật.

- Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình; biện pháp thi công.

- Tiến độ thi công xây dựng công trình.

- Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

- Kế hoạch tổng hợp về an toàn theo các nội dung quy định tại Phụ lục III Nghị định này; các biện pháp đảm bảo an toàn chi tiết đối với những công việc có nguy cơ mất an toàn lao động cao đã được xác định trong kế hoạch tổng hợp về an toàn.

3.2. Tổ chức quản lý hiện trường

- Thuyết minh, thể hiện rõ hệ thống quản lý dự án từ Công ty, của từng thành viên liên danh (nếu có) cho tới Ban chỉ huy công trường trong việc cung ứng nhân lực, thiết bị, nguồn lực tài chính cho gói thầu. Trường hợp các nhà thầu cùng thi công, phải thể hiện rõ việc tổ chức thực hiện của từng nhà thầu thông qua từng phân đoạn hoặc hạng mục công trình theo phân công (hoặc thuyết minh rõ việc cùng một Ban điều hành, không có phân chia cụ thể phạm vi công việc).

- Sơ đồ tổ chức của Ban điều hành, thể hiện trách nhiệm và mối quan hệ liên hệ giữa các chức danh, phân công trách nhiệm của từng bộ phận và các tổ đội thi công. Sơ đồ tổ chức của Ban điều hành có nêu đầy đủ các vị trí nhân sự (chỉ huy trưởng; kỹ sư phụ trách kỹ thuật thi công; cán bộ phụ trách ATGT, ATLĐ và VSMT...) mà nhà thầu dự kiến huy động cho gói thầu đáp ứng yêu cầu, tính đặc thù của gói thầu, phù hợp với biện pháp tổ chức thi công của nhà thầu.

- Trường hợp nhà thầu liên danh, phải có phân công trách nhiệm, phối hợp giữa các thành viên trong quản lý, điều hành thi công, trong giải quyết khi bất kỳ một thành viên không còn năng lực để tiếp tục thi công, khi công trình có tồn tại về chất lượng,

tiến độ.

- Bản vẽ thể hiện mặt bằng bố trí công trường phù hợp với tổ chức thi công gói thầu (bao gồm: nhà điều hành, lán trại, các cơ sở thí nghiệm, bãi chứa vật liệu, thiết bị, cầu kiện, đường công vụ vận chuyển nội bộ, ...) thông qua bản vẽ đính kèm (của nhà thầu đề xuất hoặc thống nhất bố trí như hồ sơ thiết kế - nếu có)

4. Các biện pháp đảm bảo chất lượng; đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động và phòng chống thiên tai trong mùa mưa lũ

4.1. Biện pháp đảm bảo chất lượng

- Hệ thống quản lý chất lượng, mục tiêu và chính sách đảm bảo chất lượng công trình của nhà thầu (bao gồm: sơ đồ tổ chức của Ban điều hành, thể hiện trách nhiệm và mối quan hệ liên hệ giữa các chức danh, phân công trách nhiệm của từng bộ phận và các tổ đội thi công; kế hoạch và biện pháp đảm bảo chất lượng, tiến độ; khắc phục sai sót về chất lượng, tiến độ).

- Cách thức và biện pháp kiểm soát chất lượng vật liệu và hỗn hợp vật liệu đầu vào (vật liệu và hỗn hợp vật liệu chính) từ khi khảo sát, đưa đến công trình và trước khi thi công, thể hiện tính hợp lý, khả thi để đảm bảo chất lượng, tiến độ công trình (tập kết, thí nghiệm, giải pháp xử lý khi phát hiện vật liệu không phù hợp với yêu cầu ...)

- Cách thức và biện pháp bảo đảm chất lượng trong quá trình thi công và nghiệm thu đối với các hạng mục công trình (như các chỉ tiêu kỹ thuật, các thí nghiệm, ...) theo quy định của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, hợp lý, khả thi, phù hợp với tiêu chuẩn và chỉ dẫn kỹ thuật của gói thầu

4.2. Đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường

- Có kế hoạch và biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.
- Có biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường: bao gồm các nội dung tiếng ồn, bụi và khói, rung, kiểm soát nước thải, kiểm soát đồ thải, vệ sinh

4.3. Đảm bảo phòng cháy, chữa cháy

- Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.
- Biện pháp phòng chống cháy nổ tại công trường xây dựng bao gồm: Các quy định, quy phạm tiêu chuẩn; các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy nổ; tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ.

4.4. Đảm bảo an toàn lao động

- Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, an toàn thiết bị thi công tại công trường xây dựng

- Trang bị an toàn

- Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động

- Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công, an toàn giao thông ra vào công trường, quản lý an toàn

cho công trình và cư dân xung quanh công trường, đảm bảo an toàn thiết bị thi công...; đảm bảo hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công

4.5. Phòng chống thiên tai trong mùa mưa lũ

- Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp.
- Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.
- Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình.
- Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm.
- Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai.
- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

5. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì

- Thời hạn bảo hành là 18 tháng kể từ khi công trình được nghiệm thu và bàn giao.
- Có nêu trách nhiệm của nhà thầu và sự phối hợp trong giai đoạn bảo hành, khi công trình có hư hỏng, khiếm khuyết.
- Có đề xuất giải pháp, thời gian sửa chữa khắc phục đảm bảo khả thi (công trình có hư hỏng, khiếm khuyết do lỗi của nhà thầu gây ra trong quá trình thi công trong giai đoạn bảo hành).

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ đính kèm.